

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRỰC NINH  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2021/HNGĐ-ST.

Ngày 08- 7 - 2021.

V/v: “ Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Chuyết

Bà Đoàn Thị Dịu

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Ngát – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Quỳnh Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2021/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021, về việc xin ly hôn, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Th, sinh năm 1983; nơi ĐKKHKT: Xóm 13, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định; Hiện đang trú tại: Xóm H, thôn V, xã N, TP N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn M T (Nguyễn Văn T), sinh năm 1978, nơi ĐKKHKT: Xóm 13, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định (Hiện vắng mặt tại nơi cư trú).

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt, đã thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2021, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hoàng Thị Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn M T (Nguyễn Văn T) kết hôn với nhau do tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Nam Định vào tháng 11 năm 2002. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: do anh T chơi bời, quan hệ không lành mạnh với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình. Trước đây chị đã làm đơn xin ly hôn anh T, sau chị nghĩ lại đã rút đơn về vợ chồng chung sống với nhau nhưng anh T không thay đổi. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 12/2019 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Quang M, sinh ngày 31 tháng 05 năm 2003 và Nguyễn Quang N, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2009, hiện con chung đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Minh T1 là bố đẻ anh Nguyễn Minh T (Nguyễn Văn T) trình bày:* Vợ chồng chị Hoàng Thị Th và anh Nguyễn Minh T (Nguyễn Văn T) có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào tháng 11/2002 tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống cùng gia đình ông 01 năm thì vợ chồng anh chị thuê nhà trên Nam Định làm ăn, rồi xảy ra mâu thuẫn; do anh T có chơi bời và quan hệ với người phụ nữ khác, anh T không chung sống cùng chị Th nữa và cũng không về ở với ông. Lần cuối anh T về thăm ông vào tháng 6/2020 từ đó đến nay không về nhà ông nữa, nay ông không biết anh T đi đâu và làm gì. Việc chị Th có đơn xin ly hôn anh T là do anh chị quyết định, ông chỉ biết anh chị có mâu thuẫn và hiện nay không chung sống cùng nhau.

Ông đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc chị Th xin ly hôn anh T, và các thông báo của Tòa án gửi cho anh T, do anh T không về nhà mà ông cũng không liên lạc được nên ông không thông báo được cho anh T.

Sau khi Tòa án thu thập chứng cứ tại gia đình anh T, đã thông báo cho chị Th biết, chị Th đã có đơn đề nghị Tòa án thông báo nhắc tìm người vắng mặt (anh T) tại nơi cư trú.

Tòa án đã làm đủ thủ tục theo quy định của pháp luật, cho đến nay đã hết thời hạn nhưng anh T không có mặt tại Tòa án để giải quyết việc xin Th có đơn xin ly hôn với anh. Vì vậy Tòa án giải quyết vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện đúng quy định của

BLTTDS. Đối với nguyên đơn; Từ khi thụ lý vụ án, chị Th thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn: Anh T vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc và tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Tòa án đã thông báo nhắc tìm anh T theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị Th, xử ly hôn giữa chị Hoàng Thị Th và anh Nguyễn Minh T (Nguyễn Văn T). Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Nguyễn Quang M, sinh ngày 31 tháng 05 năm 2003 và Nguyễn Quang N, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2009 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con; Về tài sản, công nợ: Chị Th không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét. Áp dụng Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Tòa án tuyên án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Minh T (Nguyễn Văn T) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, thông báo tìm kiếm người vắng mặt anh T tại nơi cư trú, đến nay đã hết thời hạn nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 384, 385 BLTTDS; HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Minh T (Nguyễn Văn T).

Chị Hoàng Thị Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy, việc Tòa án xét xử vắng mặt chị Th là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Th và anh Nguyễn Minh T (Nguyễn Văn T) kết hôn với nhau vào tháng 11 năm 2002, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Tháng 12/2019 phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau, từ đó luôn xảy ra va chạm cãi chửi nhau, anh T đã bỏ về quê ở với bố đẻ sau đó đi làm, từ tháng 6/2020 đến nay anh T không về quê, hiện ông T1 bố anh T không biết anh đi đâu và làm gì. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị Th và anh Nguyễn Minh T (Nguyễn Văn T) đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị Th là phù hợp.

[3] Về con chung: HĐXX xét thấy; Tại phiên tòa anh T vắng mặt, chị Th vắng mặt nhưng có lời khai và quan điểm yêu cầu nuôi con, mặt khác căn cứ vào nguyện vọng của các con có đơn đề nghị được ở với chị Th. Do vậy, để ổn định cuộc sống hiện tại cũng như việc học tập, chăm sóc giáo dục các con nên giao chị Th có trách nhiệm nuôi dưỡng 02 con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị Hoàng Thị Th không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị Th phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị Th và anh Nguyễn Minh T (Nguyễn Văn T).

2. Con chung: Giao chị Hoàng Thị Th có trách nhiệm nuôi dưỡng 02 con chung hiện đang ở với chị là Nguyễn Quang M, sinh ngày 31 tháng 05 năm 2003 và Nguyễn Quang N, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2009, chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Nguyễn Minh T (Nguyễn Văn T) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Hoàng Thị Th phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ tiền dự thu án phí đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tiền số AA/2019/0002356 ngày 11 tháng 03 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh.

4. Quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Th và anh Nguyễn Minh T (Nguyễn Văn T) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã V, huyện T;
- Lưu HS, VP.

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Nguyễn Thị Kim Thu**